

Bản án số: 371/2025/HS-ST
Ngày: 22/7/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Ông Bùi Đức Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Giáo
- Ông Nguyễn Hữu Tính
- Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quang, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Trung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/7/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số A đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 388/2025/HSST ngày 16/5/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 3303/2025/QĐXXST-HS ngày 30/6/2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Đức T**; giới tính: nam; sinh năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 100/13 Đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 1 Đường số A, phường Bình Hưng Hòa Thành phố H); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh tự do; con ông Võ Tấn T1 và bà Nguyễn Thị V; vợ tên Nguyễn Thị Thanh T2, có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giam: 06/3/2024;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Võ Minh L**; giới tính: nam; sinh năm 1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: Số E N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số E N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: B

Đường số I, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là B Đường số I, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Võ Minh D (chết) và Trần Thị H; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

-Ngày 12/9/2018, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản” (bản án số 79/HS-ST); chấp hành tại Trại tạm giam C, Công an Thành phố H đến ngày 16/9/2018 chấp hành xong;

-Ngày 08/6/2021, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng (Quyết định số 529/QĐ-TA);

Bắt, tạm giam: 30/9/2024;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3.Họ và tên: Trần Văn S; giới tính: nam; sinh năm 1997 tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: ấp Ô, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp Ô, phường T, tỉnh Đồng Tháp); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Trần Văn S1 và bà Huỳnh Thị H1; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không.

Bắt, tạm giam: 30/9/2024;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4.Họ và tên: Nguyễn Thành H2; giới tính: nam; sinh năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 343/35/9 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 343/35/9 T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: 120/25/14/17 L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 120/25/14/17 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Nguyễn Thành L1 (chết) và bà Nguyễn Thị X; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không;

Bắt, tạm giam: 30/9/2024;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo: Ông **Nguyễn Văn V1**, luật sư Văn phòng L3, Đoàn luật sư Thành phố H; có mặt.

Bị hại:

1. Ông **Phan Văn B**; sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn X, xã V, huyện P, Thành phố H (nay là thôn X, xã P, Thành phố H); vắng mặt;

2. Ông **Võ N**; sinh năm 1985; nơi cư trú: nơi cư trú: thôn X, xã V, huyện P, Thành phố H (nay là thôn X, xã P, Thành phố H); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Võ Minh L là người có quan hệ tình cảm với bà Võ Thị Hồng P. Trước khi có quan hệ tình cảm với L thì chị P có quan hệ tình cảm với ông Phan Văn B nhưng đã chia tay. Mặc dù đã chia tay nhưng khi biết bà P có quan hệ tình cảm với L thì ông B nhiều lần có hành vi đe dọa và đã có lần ông B đánh bà P. Từ đó, giữa L và ông B xảy ra mâu thuẫn.

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 07/9/2023, bị cáo L cùng với các bị cáo Võ Đức T, Trần Văn S và Nguyễn Thành H2 cùng ăn uống tại nhà của H2 tại địa chỉ số A đường L, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày thì cả nhóm đi qua quán “Gạo” (nơi L đang làm phục vụ) để tiếp tục ăn uống. L điều khiển xe máy Honda Dream (không rõ biển số), T điều khiển xe máy Honda Vario biển số 50N1-793.14, S điều khiển xe máy Honda Vario biển số 63B6-375.65, còn H2 điều khiển xe máy Yamaha Yanus biển số 59D2-307.66. Cả nhóm đang đi trên Đường số H hướng từ đường L về đường K thuộc phường B, quận B thì L phát hiện ông B đang điều khiển xe máy Honda Winner biển số 59D3-038.08 chở ông Võ N (bạn ông B) lưu thông theo hướng ngược lại. Lúc này, nhớ lại việc có mâu thuẫn với ông B nên L nói cả nhóm quay xe lại. H2, T và S nghe vậy thì điều khiển xe quay ngược trở lại chạy theo phía sau xe của L. Khi đến trước khu vực nhà số H Đường số H, phường B, quận B thì L điều khiển xe chạy ép sát bên trái xe của ông B làm cả hai xe cùng ngã xuống đường. L nắm cổ áo ông B kéo vào trong lề đường và dùng tay đánh vào đầu ông B. Tri thì đi đến phía sau ông B và sử dụng móc khóa có gắn lưỡi dao dài khoảng 08cm, mũi nhọn (trước đó, Tri móc ở lưng quần) đâm 01 nhát trúng vào vùng bụng của ông B. S dùng nón bảo hiểm, H2 thì dùng tay, chân đánh ông B; rồi tiếp tục quay sang đánh ông N1. Sau đó, T nhìn sang bên cạnh thì thấy ông Võ N đang ngồi dưới lòng đường và đang bị S và H2 dùng tay và nón bảo hiểm đánh vào vùng đầu. Tri đi đến, dùng hung khí đã nêu đâm 02 nhát vào vùng bụng của anh N. L tiếp tục nắm cổ áo ông B, kéo ông B đi đến ngã tư giao nhau giữa Đường số A và Đường số H, thuộc phường B, quận B để tiếp tục đánh ông B thì ông B vùng chạy thoát. L quay lại thì nhìn thấy anh N đang ngồi trên ghế đá có máu chảy ở trước ngực nên cả nhóm bỏ đi đến quán “Gạo”, ở địa chỉ A L, phường P, quận B để tiếp tục ăn uống. Ông B gọi điện cho người thân đến đưa ông B và ông N đến Bệnh viện quận B cấp cứu. Ngày 08/9/2022, ông Phan Văn T3 (anh ruột của ông B) đến trụ sở Công an phường B, quận B trình báo sự việc.

Theo bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 205/TgT.23 của Trung tâm P1 - Sở Y tế Thành phố H, tình trạng thương tích của ông Phan Văn B được xác định như sau:

“1.Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng bụng phải thấu bụng gây thủng ruột non hai lỗ, thủng mạc treo, đã được mổ nội soi sau đó đã được phẫu thuật mở bụng đường giữa khâu một lỗ thủng, đưa lỗ thủng còn lại ra da làm hậu môn nhân tạo, sau đó đã phẫu thuật lại do tắc ruột do xoắn và áp xe tồn dư ổ bụng, đóng hậu môn nhân tạo, dẫn lưu ổ áp xe, dẫn lưu ổ bụng, hiện còn:

+Một sẹo vùng bụng phải kích thước 4,5x(0,1-0,2)cm.

+Một sẹo mổ đường giữa bụng kích thước 20,5x(0,2-0,7)cm.

+Một sẹo hậu môn nhân tạo vùng bụng trái kích thước 2,8x0,4cm trên diện tăng sắc tố.

+Các sẹo mổ nội soi và dẫn lưu tại các vùng:

. Hạ sườn phải kích thước 1,1x0,5cm; 1,6x0,9cm; 1,2x0,6cm.

. Hố chậu phải kích thước 1,5x0,8cm.

. Hạ sườn trái kích thước 1,1x0,5cm; 1,4x0,6cm.

. Hố chậu trái kích thước 1x0,5cm; 1x0,5cm.

+Hình ảnh dính quai ruột non vào vị trí vết mổ cũ vùng hông trái trên phim chụp cắt lớp vi tính.

2.Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ Y quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 63%.

3.Kết luận khác:

-Vết thương do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra, gây nguy hiểm đến tính mạng.

-Con dao như ảnh quý cơ quan cung cấp có thể gây ra vết thương trên” (bl.159-161).

Theo bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 1083/TgT.22 của Trung tâm P1 - Sở Y tế Thành phố H, tình trạng thương tích của ông Võ N như sau:

“1.Dấu hiệu chính qua giám định:

-Hai vết thương vùng mạn sườn trái gây thủng đứt da, tràn khí tràn máu màng phổi trái đã được điều trị đặt dẫn lưu màng phổi, khâu vết thương, hiện:

+Còn hai sẹo kích thước lần lượt là 2,3x0,7cm và 1,8x0,5cm.

+Còn một sẹo dẫn lưu kích thước 1,5x1 cm.

+Không còn hình ảnh tràn khí tràn máu trên phim chụp cắt lớp vi tính.

Có tổng tỉ lệ 09%, không đủ cơ sở tách tỉ lệ hai vết thương trên.

Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra, nguy hiểm đến tính mạng đương sự.

-Chấn thương phần mềm vùng mặt gây sây sát da, chảy máu mũi đã được điều trị, hiện không còn dấu vết thương tích, tình trạng ổn định.

Có tỉ lệ 00%.

Không đủ cơ sở xác định hung khí, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự.

2.Theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ Y quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần: Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 09%” (b1.153-155).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận B và Công an Thành phố H, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng:

Thu giữ của T: 01 cái móc khóa có gắn lưỡi dao, 01 quần kaki ngắn, 01 áo thun ngắn tay cổ tròn; 01 chiếc xe máy Honda Vario biển số 50N1-793.14;

Thu giữ của L: 01 quần jean dài màu xanh dương; 01 áo thun màu đen, cổ tròn;

Thu giữ của S: 01 quần ngắn màu đen; 01 áo thun màu đen ngắn tay cổ tròn; 01 chiếc xe máy Honda Vario biển số 63B6-375.65;

Thu giữ của H2: 01 áo thun ngắn tay có nhiều họa tiết màu trắng - vàng; 01 chiếc xe máy Yamaha Yanus biển số 59D2-307.66;

Thu giữ của ông B: 01 mũ bảo hiểm màu vàng - trắng;

Thu giữ của ông N: 01 mũ bảo hiểm thể thao.

Về phần dân sự:

Gia đình bị can Võ Đức T đã bồi thường cho ông Phan Văn B 200.000.000đ, bồi thường cho ông Võ N 50.000.000đ.

Ông B yêu cầu bồi thường thêm 5.000.000.000đ, ông N yêu cầu bồi thường thêm 200.000.000đ.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, thông qua luật sư bào chữa, bị cáo L đã nộp 10.000.000đ, bị cáo S đã nộp 30.000.000đ, bị cáo H2 đã nộp 30.000.000đ để bồi thường cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số 291/CT-VKS-P2 ngày 28/4/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy đã truy tố các bị cáo về tội

“Giết người” theo điểm a, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự).

Tại phiên tòa,

Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội như sau:

Căn cứ lời khai của bị cáo, kết quả giám định, các tài liệu, chứng cứ thu thập được, có đủ cơ sở để xác định truy tố của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là đúng pháp luật.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ vi phạm, vai trò, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng điểm a và n khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 57 Bộ luật hình sự,

-Xử phạt bị cáo T từ 16 đến 18 năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng điểm a và n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 57 Bộ luật hình sự,

-Xử phạt bị cáo L, H2 và S mỗi người từ 14 đến 16 năm tù về tội “Giết người”.

Về các biện pháp tư pháp:

Buộc các bị cáo bồi thường cho bị hại theo quy định;

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các xe máy sử dụng làm phương tiện gây án;

Tịch thu tiêu hủy những vật còn lại.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo như sau:

Về tội danh, Viện kiểm sát các bị cáo là đúng quy định. Tuy nhiên, việc xác định các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “giết 02 người trở lên” là không thỏa đáng, bởi lẽ không có căn cứ để xác định vết thương mà các bị cáo gây ra cho ông N là nguy hiểm đến tính mạng.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; trong quá trình điều tra, thông qua người thân trong gia đình, bị cáo T đã bồi thường cho ông B 200.000.000đ và bồi thường cho ông N 50.000.000đ; trong gia đoạn xét xử, bị cáo L đã nộp 10.000.000đ, bị cáo H2 nộp 30.000.000đ, bị cáo S nộp 30.000.000đ để bồi thường cho các bị hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo H2 có cha là thương binh, có bà ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho H2. các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều

54 Bộ luật hình sự để xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất trong khung hình phạt.

Các bị cáo đồng ý với ý kiến bào chữa của luật sư V1, không bào chữa bổ sung.

Kiểm sát viên tranh luận như sau:

Theo kết quả giám định thì các bị cáo đã gây ra cho ông N 02 vết thương vùng mạn sườn trái gây thủng đứt da, tràn khí, tràn máu màng phổi; thương tích được xác định do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra, nguy hiểm đến tính mạng. Do vậy, việc việc luật sư cho rằng thương tích của ông N không nguy hiểm đến tính mạng là không có căn cứ.

Đối với các tình tiết giảm nhẹ khác mà luật sư nêu ra để bào chữa cho bị cáo H2: Đề nghị Hội đồng xét xét, nếu có đủ căn cứ thì áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, luật sư bào chữa, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả giám định, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, có căn cứ để xác định:

Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 07/9/2023, ở trước khu vực nhà số H Đường số H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo đã có hành vi dùng hung khí nguy hiểm là móc chìa khóa có gắn lưỡi dao nhọn, nón bảo hiểm, chân, tay tấn công ông B và anh N.

Theo kết quả giám định của Cơ quan Pháp y, xác định được như sau:

- Ông B bị vết thương vùng bụng phải thấu bụng gây thủng ruột non hai lỗ, thủng mạc treo; vết thương gây nguy hiểm đến tính mạng; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 63%;

- Ông N bị 02 vết thương vùng mạn sườn trái gây thủng đứt da, tràn khí tràn máu màng phổi trái; vết thương gây nguy hiểm đến tính mạng; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 09%;

Hậu quả đã nêu do Võ Đức T trực tiếp dùng chìa khóa có gắn lưỡi dao nhọn gây ra.

Các bị cáo S, H2 đã có hành vi dùng chân, tay, nón bảo hiểm đánh anh N, L có hành vi dùng tay đánh ông B nhưng cũng không gây thương tích cụ thể.

Nguyên nhân dẫn đến sự việc đã nêu là do giữa bị cáo L và ông B có mâu thuẫn với nhau xuất phát từ việc: Trước đó, ông B và bà P có quan hệ tình cảm với nhau và đã chia tay nhưng khi biết được bà P có quan hệ tình cảm với L thì ông Bình thường hay gây đe dọa và đã có lần đánh bà P. Còn các bị cáo T, S và H2 là bạn của L, không có mâu thuẫn gì với ông B và ông N nhưng chỉ vì muốn bênh vực cho L nên S và H2 đã dùng tay, chân, nón bảo hiểm đánh anh N; còn T đã có hành vi dùng dao nhọn đâm ông B và ông N.

[3]. Trong vụ án này, các bị cáo không có sự bàn bạc trước với nhau về việc thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, khi các bị cáo đang điều khiển xe máy đi trên đường và gặp ông B điều khiển xe máy chở ông N lưu thông theo hướng ngược lại, L quay xe lại và nói với các bị cáo còn lại “Quay xe lại, có chuyện” thì các bị cáo cùng đều điều khiển xe quay lại đi theo L. Khi thấy L điều khiển xe ép xe ông B làm ông B và ông N ngã xuống đường, L lao vào túm cổ áo kéo lê ông B vào lề đường và đánh ông B thì S, H2 cũng lao vào đánh ông B bằng tay, chân và nón bảo hiểm, còn T thì dùng móc chìa khóa có gắn lưỡi dao nhọn đâm vào bụng ông B; tiếp theo đó, S và H2 dùng tay, chân, nón bảo hiểm đánh ông N, T thì cũng tiếp tục dùng móc chìa khóa có gắn lưỡi dao nhọn đâm 02 nhát vào bụng ông N. Khi thấy S và H2 đang đánh ông N, T tiếp tục cầm dao đâm 02 nhát vào bụng ông N. Sau đó, L tiếp tục kéo ông B đến ngã tư giao nhau giữa Đường số A và Đường số H, thuộc phường B, quận B để đánh.

Diễn biến vụ án như đã nêu, cho thấy các bị cáo đã có sự tiếp nhận ý chí của nhau, đồng tình trong việc tấn công ông B và ông N; hành vi của các bị cáo có sự tương hỗ với nhau, hành vi của bị cáo này tạo điều kiện và hỗ trợ về mặt tinh thần cho các bị cáo còn lại. Do vậy, các bị cáo được xác định là đồng phạm của nhau và phải chịu trách nhiệm chung đối với hậu quả đã gây ra cho ông B và ông N.

[4]. Mặc dù các bị cáo khai trình không có ý định giết chết các bị hại. Tuy nhiên, các bị cáo đều nhận thức được rằng hành vi của mình là nguy hiểm, có thể dẫn đến việc các bị hại bị chết nhưng các bị cáo vẫn thực hiện và có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. Mặt khác, theo kết luận của Cơ quan Pháp y thì các vết thương mà các bị cáo gây ra cho các bị hại là gây nguy hiểm đến tính mạng các bị hại. Việc các bị hại không chết là do may mắn và do được cứu chữa kịp thời. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người”.

[5]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe người khác; gây mất trật tự an toàn công cộng. Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý vi phạm.

[6]. Căn cứ vào các nhận định đã nêu, đối chiếu với các quy định của pháp luật, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm tội “Giết người” theo điểm a và n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự.

[7]. Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt cần áp dụng đối với các bị cáo:

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên cần áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt.

Đây là vụ án có đồng phạm,

T là người trực tiếp sử dụng móc khóa có gắn lưỡi dao nhọn gây ra các thương tích nguy hiểm đến tính các bị hại. Hành vi của T có mức độ nguy hiểm cao hơn so với các bị cáo khác.

L là người rủ rê, khởi xướng; đồng thời, cũng là người thực hành, trực tiếp tấn công ông B bằng chân, tay. Tuy nhiên, theo kết quả giám định thì hành vi của L không gây thương tích đáng kể đối với các bị hại B. Do vậy, hành vi của L được xác định có mức độ nguy hiểm thấp hơn so với T.

S, H2 là những người giữ vai trò giúp sức về mặt tinh thần và cũng là người thực hành. S dùng nón bảo hiểm, còn H2 thì dùng chân, tay tấn công các bị hại. Tuy nhiên, theo kết quả giám định thì hành vi của H2 và S không gây thương tích đáng kể đối với các bị hại. Do vậy, hành vi của H2 và S có mức độ nguy hiểm là thấp hơn so với L.

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, có sự tác động của bị cáo T, gia đình bị cáo T đã tự nguyện thay bị cáo T bồi thường cho ông B 200.000.000đ, bồi thường cho ông N 50.000.000đ. Do vậy, cần áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T.

Bị cáo T, S và H2 đều mới phạm tội lần đầu; bị cáo T có 02 con nhỏ; bị cáo H2 có cha là thương binh, có bà ngoại là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, thông qua luật sư bào chữa, bị cáo L đã nộp 10.000.000đ, bị cáo S đã nộp 30.000.000đ, bị cáo H2 đã nộp 30.000.000đ để bồi thường cho bị hại. Do vậy, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Bị cáo L là người có nhân thân không tốt, năm 2018 đã 01 lần bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình kết án về tội 06 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”; năm 2021 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 15 tháng. Án tích và việc xử lý hành như vừa nêu đã đương nhiên được xóa nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, cũng cần được lưu ý xem xét.

Với các phân tích như đã nêu, mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với L và T là tương xứng; mức án đề nghị đối với H2 và S là có phần nghiêm khắc.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng đối với từng bị cáo.

[8]. Về các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra, ông B yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm 5.000.000.000đ; ông N yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm 200.000.000đ (không kể số tiền đã nhận bồi thường trước). Tuy nhiên, ông B và ông N đều vắng mặt tại phiên tòa; trong quá trình điều tra, ông B và ông N cũng không cung cấp được tài liệu để làm căn cứ giải quyết yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét cũng không có căn cứ để giải quyết. Do vậy, căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, cần tách phần dân sự liên quan để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Đối với số tiền mà gia đình các bị cáo H2, S và L đã thay các bị cáo nộp cho Cơ quan thi hành án để bồi thường cho bị hại: Do đã tách phần dân sự để giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự nên cần giao trả các khoản tiền đã nộp cho các bị cáo.

Đối với xe máy Honda Vario biển số 50N1-793.14, xe máy Honda Vario biển số 63B6-375.65, xe máy Yamaha Yanus biển số 59D2-307.66: Là phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội. Do vậy, căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với các vật chứng còn lại: Không còn sử dụng được, các bị cáo, bị hại cũng không yêu cầu lấy lại. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

[9]. Các nhận định đã nêu cũng là nhận định và lập luận để chấp nhận hoặc không chấp nhận ý kiến bào chữa của các luật sư bào chữa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[10]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a và n khoản 1 Điều 123; điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Võ Đức T 16** (mười sáu) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2024.

2.Căn cứ điểm a và n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo **Võ Minh L2 15** (mười lăm) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2024.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn S 13** (mười ba) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2024.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành H2 12** (mười hai) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2024.

3.Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 30, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

Tách phần dân sự liên quan đến yêu cầu bồi thường của các bị hại Phan Văn B và Võ N để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

-01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: không xác định; số loại: không xác định; dung tích xi lanh: không xác định; biển số: 50N1-793.14; SK: MH1KF4115KK472184; SM: KF41E-1473406 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được);

-01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: không xác định; số loại: không xác định; dung tích xi lanh: không xác định; biển số: 63B6-375.65; SK: MH1KF4115JK358412; SM: KF41E-1359357 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được);

-01 xe hai bánh gắn máy; nhãn hiệu: không xác định; số loại: không xác định; dung tích xi lanh: không xác định; biển số 59D2-307.66; SK: RLCSEC820GY006271; SM: E3Y8E-006270 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được);

Tịch thu tiêu hủy:

-01 cái móc khóa có gắn lưỡi dao, 01 quần kaki ngắn, 01 áo thun ngắn tay cổ tròn;

-01 quần jean dài màu xanh dương; 01 áo thun màu đen, cổ tròn;

-01 quần ngắn màu đen; 01 áo thun màu đen ngắn tay cổ tròn;

-01 áo thun ngắn tay có nhiều họa tiết màu trắng – vàng, ngắn tay;

-01 mũ bảo hiểm màu vàng - trắng;

-01 mũ bảo hiểm thể thao màu đen viền trắng.

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2025/051

ngày 16/7/2025 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC01 Công an Thành phố H.

Giao trả lại cho bị cáo Vũ Minh L2 10.000.000đ (đã thu theo Biên lai thu tiền số 0000888 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh);

Giao trả lại cho bị cáo Trần Văn S 30.000.000đ (đã thu theo Biên lai thu tiền số 0000887 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh);

Giao trả lại cho bị cáo Võ Thành H3 30.000.000đ (đã thu theo Biên lai thu tiền số 0000886 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh);

4.Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5.Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- Tòa phúc thẩm tại TP HCM; (1)
- VKSND TP HCM; (3)
- THADS TP HCM; (1)
- Trại tạm giam; (4)
- Bị cáo; (4)
- Luật sư; (1)
- Bị hại; (2)
- THAHS; (4)
- P. PV06 - CA TP HCM; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (4)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (38) (8)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân